ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 60 /2026/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 23 tháng 09 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐCP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 131/2025/NĐCP, Nghị định số 136/2025/NĐ-CP, Nghị định số 110/2026/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT, Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3

"7. Lộ trình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt

a) Chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2026: Uỷ ban nhân dân cấp xã phải chuẩn bị các điều kiện để triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, bao gồm:

- Ban hành kế hoạch, phương án hoặc nội dung triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật thực tế của địa phương.

b) Chậm nhất ngày 01 tháng 01 năm 2027: Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế đối với hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030

- Các địa phương có đơn vị xử lý và bảo đảm điều kiện tiếp nhận, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại: Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai việc phân loại chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác (chất thải cồng kềnh và chất thải sinh hoạt khác còn lại) đối với hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; việc phân loại, thu gom, vận chuyển, tiếp nhận và xử lý chất thải sau phân loại phải phù hợp với điều kiện hạ tầng thu gom, vận chuyển và công nghệ xử lý của đơn vị cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

- Các địa phương chưa có đơn vị xử lý hoặc chưa bảo đảm điều kiện tiếp nhận, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai mô hình phân loại phù hợp với điều kiện thực tế; đồng thời rà soát, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện đảm bảo theo lộ trình quy định tại điểm d khoản này. Khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn sau khi thực hiện phân loại tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi, giảm tối đa lượng chất thải phải chuyển giao xử lý.

d) Chậm nhất ngày 01 tháng 01 năm 2031, thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

đ) Việc kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về bảo vệ môi trường và phù hợp với lộ trình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn triển khai tại các điểm a, b, c, d khoản này.

e) Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP chủ động thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn sớm hơn lộ trình quy định tại khoản này”.

Điều 2. Sửa đổi khoản 3 Điều 10

"3. Báo cáo định kỳ tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a, điểm b khoản 19 Điều 1, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Điều 23 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (trường hợp thu gom trong địa bàn Khu công nghiệp), Sở Công Thương (trong trường hợp thu gom trong địa bàn cụm công nghiệp) trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 11

"6. Báo cáo định kỳ tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a, điểm b khoản 19 Điều 1, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 07/2025/TTBTNMT; Điều 23 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 tháng 01 của năm sau hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

"b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và các quy định hiện hành".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

"d) Hướng dẫn lập và tổng hợp dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hằng năm gửi cơ quan chuyên môn xem xét, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương".

3. Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 1 như sau:

"h) Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

"đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia ý kiến đối với dự toán kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt hằng năm".

6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

"d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật".

7. Sửa đổi , bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chủ trì thẩm định hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư về xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 115/2023/QH15; đánh giá năng lực công nghệ; tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Tổ chức thẩm định quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng công trình, dự án khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; Triển khai đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền, phân cấp ngân sách hoặc kế hoạch, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt".

2. Bổ sung các khoản 12, 13 vào sau khoản 11 như sau:

"12. Phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định cụ thể thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình, cá nhân; phổ biến đến cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý biết, thực hiện;

13. Tổ chức, củng cố mạng lưới thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật trong thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn".

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 9 năm 2026.

2. Các nội dung không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thực hiện theo Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy *(b/c)*;
- TT HĐND tỉnh *(b/c)*;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Như Điều 7;
- Các Sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Sơn La;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKT - Thiện 16 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công